

Số: 22/2009/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2009

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý thuê bao di động trả trước

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật An ninh Quốc gia đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 160/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 07 năm 2004 của Chính phủ quy định Quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Nghị định số 50/2009/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về việc bổ sung Điều 12a Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Viễn thông,

QUY ĐỊNH:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này điều chỉnh các hoạt động đăng ký, lưu giữ và sử dụng các thông tin về nhân thân và số máy của cá nhân hoặc người đứng tên đại diện cho cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ thông tin di động mặt đất trả trước, dịch vụ

điện thoại trung kế vô tuyến trả trước (sau đây gọi tắt là dịch vụ di động trả trước) nhằm sử dụng, khai thác hiệu quả tài nguyên viễn thông, thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường viễn thông Việt Nam và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động viễn thông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

- a) Cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý dịch vụ di động trả trước;
- b) Doanh nghiệp thông tin di động;
- c) Chủ điểm giao dịch được uỷ quyền;
- d) Chủ thuê bao di động trả trước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dịch vụ di động trả trước là dịch vụ mà người sử dụng dịch vụ phải trả tiền trước cho doanh nghiệp thông tin di động thông qua hình thức nạp tiền vào thẻ SIM trả trước hoặc máy đầu cuối di động trả trước (loại không dùng thẻ SIM) hoặc các hình thức tương tự khác.

2. Doanh nghiệp thông tin di động là doanh nghiệp viễn thông được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ thông tin di động.

3. Chủ điểm giao dịch được uỷ quyền là doanh nghiệp, cá nhân đã ký kết hợp đồng uỷ quyền tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao với doanh nghiệp thông tin di động.

4. Chủ thuê bao di động trả trước là cá nhân hoặc người đứng tên đại diện cho cơ quan, tổ chức, sử dụng dịch vụ thông tin di động trả trước, bao gồm:

- a) Chủ thuê bao di động trả trước của các mạng điện thoại di động mặt đất;
- b) Chủ thuê bao di động trả trước của mạng điện thoại trung kế vô tuyến;
- c) Chủ thuê bao di động trả trước của các mạng viễn thông khác do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

5. Cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao di động trả trước là tập hợp các trang thiết bị (bao gồm cả phần cứng và phần mềm) được liên kết với nhau để phục vụ việc cập nhật, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao của doanh nghiệp thông tin di động.

6. SIM (Subscriber Identity Module) là một thẻ điện tử thông minh được dùng trong điện thoại di động để chứa thông tin của chủ thuê bao, dịch vụ thuê bao và doanh nghiệp thông tin di động.

Điều 4. Nguyên tắc đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao

1. Phương thức, thủ tục đăng ký phải hợp lý, đơn giản; không gây phiền hà và không làm phát sinh thêm chi phí cho chủ thuê bao.

2. Đảm bảo thông tin thuê bao được đăng ký, lưu giữ thống nhất, tập trung, tin cậy và sử dụng đúng mục đích.

3. Đảm bảo bí mật đối với thông tin thuê bao theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp thông tin di động có trách nhiệm bảo đảm bí mật thông tin thuê bao trừ các trường hợp sau đây:

a) Chủ thuê bao đồng ý cho cung cấp các thông tin của mình;

b) Các doanh nghiệp thông tin di động có thoả thuận bằng văn bản với nhau về việc trao đổi, cung cấp thông tin thuê bao để quản lý cước phí sử dụng và ngăn chặn hành vi trốn tránh thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của chủ thuê bao;

c) Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước, bao gồm:

1. Sử dụng chứng minh thư hoặc hộ chiếu của người khác để đăng ký thông tin thuê bao.

2. Sử dụng chứng minh thư hoặc hộ chiếu của mình để đăng ký thông tin thuê bao cho người khác trừ trường hợp quy định tại Khoản 5, Điều 7 của Thông tư này.

3. Kích hoạt dịch vụ di động trả trước cho thuê bao khi chính chủ thuê bao vẫn chưa thực hiện việc đăng ký thông tin thuê bao theo quy định.

4. Lưu thông trên thị trường những SIM đã được kích hoạt sẵn dịch vụ di động trả trước.

5. Tiết lộ, sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước trái pháp luật.

CHƯƠNG II**ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN
THUÊ BAO DI ĐỘNG TRẢ TRƯỚC****Điều 6. Đối tượng đăng ký**

Mọi đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 3 đều phải đăng ký thông tin thuê bao, bao gồm:

1. Chủ thuê bao bắt đầu sử dụng dịch vụ di động trả trước.

2. Chủ thuê bao di động trả trước đang được mở hai chiều.

3. Chủ thuê bao di động trả trước đã bị khoá một chiều.

4. Chủ thuê bao di động trả trước đã bị khoá hai chiều, nhưng đang còn trong thời gian 30 ngày kể từ ngày bị khoá được giữ số thuê bao theo quy định và đăng ký sử dụng lại.

5. Chủ thuê bao di động trả trước thay đổi thông tin thuê bao đã đăng ký.

Điều 7. Đăng ký thông tin thuê bao

1. Các chủ thuê bao được quy định tại Điều 6 phải đến đăng ký trực tiếp tại điểm giao dịch được uỷ quyền để cung cấp số thuê bao, chứng minh thư hoặc hộ chiếu đang còn thời hạn sử dụng và giấy giới thiệu (áp dụng cho thuê bao đại diện cho cơ quan, tổ chức) cho chủ điểm giao dịch.

2. Doanh nghiệp thông tin di động chỉ ký hợp đồng uỷ quyền tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước đối với các chủ điểm giao dịch đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có địa điểm giao dịch cố định, địa chỉ cụ thể, rõ ràng;

b) Có trang bị máy tính kết nối với mạng viễn thông hoặc Internet đối với các chủ điểm giao dịch tại các quận, phường nội thành thuộc các thành phố, thị xã. Có trang bị tối thiểu một trong các thiết bị: máy tính, máy điện thoại cố định, máy Fax, máy điện thoại di động được kết nối với mạng viễn thông hoặc Internet đối với các chủ điểm giao dịch tại các vùng còn lại (trừ quận, phường nội thành thuộc các thành phố, thị xã);

c) Đối với chủ điểm giao dịch là cá nhân, phải là người có quốc tịch Việt Nam trên 18 tuổi, có giấy chứng minh thư, hoặc hộ chiếu hợp lệ và còn thời hạn theo quy định;

d) Đối với chủ điểm giao dịch là doanh nghiệp phải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp lệ;

e) Cam kết thực hiện đúng các quy định về quản lý thuê bao di động trả trước.

3. Việc đăng ký thông tin thuê bao được chủ thuê bao thực hiện trực tiếp tại điểm giao dịch được uỷ quyền, thông qua “Bản khai thông tin thuê bao di động trả trước” theo mẫu thống nhất do doanh nghiệp ban hành.

4. Bản khai thông tin thuê bao di động trả trước tối thiểu phải có đầy đủ thông tin dưới đây:

a) Đối với chủ thuê bao là cá nhân người Việt Nam:

- Số máy thuê bao đầy đủ (mã mạng hoặc mã vùng và số thuê bao);
- Họ và tên đầy đủ của chủ thuê bao;
- Ngày tháng năm sinh của chủ thuê bao;
- Số chứng minh thư hoặc hộ chiếu, nơi cấp của chủ thuê bao (đang còn trong thời hạn sử dụng).

b) Đối với chủ thuê bao là người nước ngoài:

- Số máy thuê bao đầy đủ (mã mạng hoặc mã vùng và số thuê bao);
- Họ và tên đầy đủ của chủ thuê bao;
- Ngày tháng năm sinh của chủ thuê bao;
- Quốc tịch của chủ thuê bao;
- Số hộ chiếu của chủ thuê bao (đang còn trong thời hạn sử dụng).

c) Đối với chủ thuê bao là người đứng tên đại diện cho cơ quan, tổ chức:

- Số máy thuê bao đầy đủ (mã mạng hoặc mã vùng và số thuê bao);
- Tên gọi và địa chỉ giao dịch của cơ quan, tổ chức (theo giấy giới thiệu);
- Họ và tên đầy đủ của chủ thuê bao;
- Ngày tháng năm sinh của chủ thuê bao;
- Số chứng minh thư hoặc hộ chiếu, nơi cấp của chủ thuê bao đứng tên đại diện (đang còn trong thời hạn sử dụng).

5. Đối với người dưới 14 tuổi (không có chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu) phải có bố mẹ hoặc người giám hộ theo quy định của pháp luật đứng bảo lãnh đăng ký.

6. Khi tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao, chủ điểm giao dịch phải kiểm tra chứng minh thư, hộ chiếu của chủ thuê bao để bảo đảm thông tin trong “Bản khai thông tin thuê bao di động trả trước” và thông tin trong chứng minh thư, hộ chiếu là như nhau. Trong trường hợp chủ thuê bao cung cấp không đầy đủ hoặc không chính xác các thông tin thuê bao quy định tại Khoản 4 Điều này thì doanh nghiệp thông tin di động hoặc chủ điểm giao dịch được uỷ quyền không được chấp nhận thông tin đăng ký và phải thông báo cho chủ thuê bao biết.

7. Tên, địa chỉ của chủ điểm giao dịch được uỷ quyền đã tiếp nhận, đăng ký cùng với số liệu thông tin thuê bao quy định tại Khoản 4 Điều này phải được cập nhật vào cơ sở dữ liệu tập trung của doanh nghiệp thông tin di động chậm nhất là 48 giờ kể từ khi tiếp nhận được bản khai đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước hợp lệ, trực tiếp tại điểm giao dịch.

8. Đối với đối tượng quy định tại Khoản 1, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 6, chậm nhất là ba (03) giờ (trong điều kiện hệ thống hoạt động bình thường) sau khi tiếp nhận bản khai đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước hợp lệ tại điểm giao dịch, doanh nghiệp thông tin di động phải kích hoạt đầy đủ các dịch vụ cho thuê bao.

9. Do kho số di động là hữu hạn, để bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và công bằng tài nguyên viễn thông, mỗi một cá nhân chỉ được sử dụng số chứng minh thư, hộ chiếu của mình để đăng ký tối đa ba (03) số thuê bao di động trả trước của mỗi mạng thông tin di động (trừ trường hợp cá nhân là người đứng tên đại diện cho cơ quan tổ chức).

10. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, thuê bao di động trả trước quy định tại Điều 6 không đăng ký thông tin thuê bao theo quy định hoặc cung cấp thông tin không chính xác sẽ bị chấm dứt hoạt động. Các thuê bao này muốn sử dụng lại dịch vụ phải làm thủ tục như đối với thuê bao mới.

Điều 8. Lưu giữ thông tin thuê bao

1. Việc lưu giữ thông tin thuê bao được thực hiện trên nguyên tắc thiết lập cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao tập trung và thống nhất trong từng doanh nghiệp thông tin di động. Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao của doanh nghiệp phải được tổ chức khoa học, tin cậy, an toàn.

2. Cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao của doanh nghiệp thông tin di động được kết nối với cơ sở dữ liệu của các cơ quan quản lý nhà nước để sử dụng cho các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 9.

3. Bản khai thông tin thuê bao di động trả trước phải được cập nhật vào máy tính (tại các điểm có trang bị máy tính) hoặc phải được lưu giữ bằng bản giấy trong thời gian tối thiểu mười hai (12) tháng kể từ ngày đăng ký để phục vụ việc kiểm tra, đối soát của cơ quan quản lý.

Điều 9. Sử dụng thông tin thuê bao

Thông tin thuê bao chỉ được cung cấp, sử dụng cho các mục đích sau đây:

1. Phục vụ cho công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.
2. Phục vụ cho công tác quản lý về mạng lưới, dịch vụ và quản lý tài nguyên viễn thông.
3. Phục vụ cho hoạt động quản lý, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thông tin di động.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ VÀ QUẢN LÝ THUÊ BAO DI ĐỘNG TRẢ TRƯỚC

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

1. Bộ Thông tin và Truyền thông
 - a) Chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ và các doanh nghiệp thông tin di động tổ chức tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện Thông tư này trên các phương tiện thông tin đại chúng để hướng dẫn dư luận và người sử dụng dịch vụ.
 - b) Xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai việc quản lý thuê bao di động trả trước theo quy định này.

c) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước theo thẩm quyền và các quy định hiện hành của pháp luật.

d) Chủ trì phối hợp với Bộ Công an, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai việc quản lý thuê bao di động trả trước theo quy định.

2. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, thành phố để tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp, đại lý thông tin di động trên địa bàn trong đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao theo các quy định tại Thông tư này.

b) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước trên địa bàn theo thẩm quyền, theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của doanh nghiệp thông tin di động

1. Đầu tư xây dựng, tổ chức vận hành, khai thác an toàn hệ thống trang thiết bị phục vụ việc đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao theo các quy định tại Thông tư này.

2. Trên cơ sở kế hoạch triển khai quản lý thuê bao di động trả trước của Bộ Thông tin và Truyền thông, xây dựng, triển khai và báo cáo kế hoạch quản lý thuê bao di động trả trước của mình với Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục đăng ký thông tin thuê bao quy định tại Điều 7.

4. Thực hiện việc ký hợp đồng ủy quyền với các chủ điểm giao dịch. Hợp đồng ủy quyền phải có điều khoản quy định doanh nghiệp thông tin di động được đơn phương đình chỉ, chấm dứt hợp đồng khi chủ điểm giao dịch vi phạm điều khoản của Thông tư này và vi phạm hợp đồng.

5. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho chủ điểm giao dịch được ủy quyền, chủ thuê bao di động trả trước về Thông tư này và kế hoạch, quy trình đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước của doanh nghiệp.

6. Tổ chức, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định, các văn bản hướng dẫn thực hiện Thông tư này và các quy trình đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước của doanh nghiệp đối với chủ điểm giao dịch được ủy quyền.

7. Chấm dứt hợp đồng ủy quyền với các chủ điểm giao dịch vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

8. Chủ động phối hợp và cung cấp cho Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về số chứng minh thư, hộ chiếu của chủ thuê bao để kiểm tra, đối soát số liệu thông tin thuê bao di động trả trước đã

đăng ký để phát hiện, xử lý những trường hợp vi phạm các quy định về quản lý thuê bao di động trả trước.

9. Giải quyết các khiếu nại của khách hàng về việc đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước của doanh nghiệp.

10. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

11. Báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu về các nội dung quản lý thuê bao di động trả trước quy định tại Thông tư này.

12. Thống kê và báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông về số liệu thuê bao, chủ điểm giao dịch được ủy quyền đăng ký thuê bao di động trả trước trên địa bàn.

13. Chủ động tổ chức và phối hợp với các cơ quan báo chí, đài phát thanh, truyền hình Trung ương và địa phương để phổ biến, tuyên truyền các quy định về quản lý thuê bao di động trả trước.

14. Công bố và đăng tải trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp thông tin di động danh sách các chủ điểm giao dịch được ủy quyền đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước.

Điều 12. Trách nhiệm của chủ điểm giao dịch được ủy quyền

1. Chịu trách nhiệm đăng ký, quản lý thông tin thuê bao di động trả trước theo đúng các quy định tại Thông tư này và quy trình đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước của doanh nghiệp thông tin di động ủy quyền.

2. Chịu trách nhiệm kiểm tra, cập nhật và truyền kịp thời, chính xác số liệu thông tin thuê bao di động trả trước đã đăng ký tại điểm giao dịch của mình cho doanh nghiệp thông tin di động.

3. Giải quyết các khiếu nại của chủ thuê bao di động trả trước về việc đăng ký, quản lý thông tin thuê bao đã đăng ký với mình.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Thông báo với doanh nghiệp thông tin di động, Sở Thông tin và Truyền thông hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện các vi phạm trong quá trình đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước.

Điều 13. Trách nhiệm của chủ thuê bao di động trả trước

1. Thực hiện việc đăng ký thông tin thuê bao theo quy định tại Điều 7.

2. Tạo điều kiện cần thiết để doanh nghiệp thông tin di động, chủ điểm giao dịch được ủy quyền và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc

kiểm tra, xác nhận các thông tin thuê bao đã cung cấp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của mình trong quá trình sử dụng.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin thuê bao mà mình đăng ký.

4. Thông báo với doanh nghiệp thông tin di động hoặc chủ điểm giao dịch được uỷ quyền khi có thay đổi về chủ thuê bao.

5. Thông báo với doanh nghiệp thông tin di động hoặc chủ điểm giao dịch được uỷ quyền hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện các vi phạm trong quá trình đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước.

CHƯƠNG IV

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 14. Thanh tra, kiểm tra

Việc thanh tra, kiểm tra các hoạt động đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước theo Thông tư này do Thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông thực hiện theo quy định tại Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Điều 15. Xử lý vi phạm

1. Doanh nghiệp thông tin di động, chủ điểm giao dịch được uỷ quyền và người sử dụng dịch vụ di động trả trước vi phạm các quy định tại Thông tư này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử phạt hành vi vi phạm hành chính về quản lý thuê bao di động trả trước được thực hiện theo Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 07 năm 2004 của Chính phủ quy định Quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện và Nghị định số 50/2009/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về việc bổ sung Điều 12a Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hướng dẫn thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2009 và thay thế cho Quyết định số 03/2007/QĐ-BTTTT ngày 04 tháng 9 năm 2007 của

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy định quản lý thuê bao di động trả trước.

2. Các điểm giao dịch được uỷ quyền không đáp ứng được điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 7 phải ngừng hoạt động tiếp nhận, đăng ký thuê bao di động trả trước kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, trừ việc trang bị máy tính kết nối với mạng viễn thông hoặc Internet cho các điểm giao dịch được uỷ quyền tại các quận, phường nội thành thuộc các thành phố, thị xã quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 7 phải được hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 9 năm 2009.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng Vụ Viễn thông, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp thông tin di động và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan cần phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- PTTg Nguyễn Sinh Hùng;
- PTTg Nguyễn Thiện Nhân;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Thủ trưởng các cơ quan đơn vị thuộc Bộ;
- Các Sở Thông tin và Truyền thông;
- Các doanh nghiệp thông tin di động;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Lưu VT, Vụ VT.

Lê Doãn Hợp